

Số: 6331/BC-VPCP

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao¹, trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và dữ liệu từ Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG), Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tháng 8 năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai có kết quả các nhiệm vụ, giải pháp về cải cách TTHC theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2024; đồng thời, tập trung thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giấy tờ liên quan đến quản lý dân cư, quy định kinh doanh (QĐKD), phân cấp trong giải quyết TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bảo đảm thực chất, hiệu quả; tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT). Bên cạnh đó, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động chính sách, TTHC, thẩm định, thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), bảo đảm cải cách TTHC ngay trong quá trình xây dựng VBQPPL²; đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đồng ý mở rộng thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID trên toàn quốc từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025³.

2. Về cải cách quy định TTHC

a) Kết quả kiểm soát quy định TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL

Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện đánh giá tác động đối với 76 TTHC tại 05 dự thảo VBQPPL⁴, thẩm định 96 TTHC quy định tại 20 dự

¹ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 09/01/2024 của Chính phủ; Công điện số 644/CD-TTg ngày 13/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

² Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/8/2024 của Chính phủ

³ Công văn số 656/TTg-KSTT ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ

⁴ Gồm: 04 Thông tư, 01 Quyết định của UBND tỉnh.

thảo VBQPPL⁵; Văn phòng Chính phủ đã thực hiện thẩm tra đối với **27 TTHC, 01 QĐKD** tại **03** dự thảo VBQPPL⁶, trong đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung **16 TTHC, 01 QĐKD**. Tính trong 8 tháng, có **949 TTHC** tại **136** dự thảo VBQPPL được đánh giá tác động và **1.315 TTHC** tại **185** dự thảo VBQPPL được thẩm định; có **347 TTHC, 36 QĐKD** tại **36** VBQPPL được thẩm tra, trong đó đã đề nghị không quy định **14 TTHC, 01 QĐKD**, sửa đổi, bổ sung **215 TTHC, 17 QĐKD** (chiếm 64,5%).

Về việc ban hành TTHC, trong tháng có **22 TTHC** được ban hành mới, **160 TTHC** được sửa đổi, bổ sung và **60 TTHC** được bãi bỏ tại **81** VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của **08** bộ, cơ quan⁷; có **07 TTHC** ban hành mới, **01 TTHC** được sửa đổi, bổ sung và **28 TTHC** được bãi bỏ tại **04** VBQPPL thuộc thẩm quyền của **03** địa phương⁸ (Chi tiết tại Phụ lục I). Tính trong 8 tháng, các bộ, ngành đã ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành mới **265 TTHC**, sửa đổi, bổ sung **1.133 TTHC**, bãi bỏ **324 TTHC** tại **236** VBQPPL; các địa phương đã ban hành mới **17 TTHC**, sửa đổi, bổ sung **01 TTHC**, bãi bỏ **29 TTHC** tại **12** VBQPPL. Đến nay, tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, địa phương được công khai trên Cổng DVCQG là **6.333 TTHC**.

b) Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC

(1) Về cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ:

Trong tháng, Bộ Xây dựng đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 152/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng⁹, trong đó dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa **05 TTHC** và **01** chế độ báo cáo. Tính 8 tháng đầu năm, các bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **226 QĐKD**¹⁰ tại **26** VBQPPL¹¹.

Tính từ năm 2021 đến nay, **18** bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **3.001 QĐKD** (gồm: **1.591 TTHC, 181 yêu cầu điều kiện, 96 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành**) tại **261** VBQPPL¹² trên tổng số **15.801 QĐKD**, đạt **18,9%** (Chi tiết tại Phụ lục II).

(2) Về phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Trong tháng, không có TTHC được phân cấp theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg. Tính trong 8 tháng 2024, tổng số TTHC đã được các bộ, ngành phân cấp là **142 TTHC** tại **24** VBQPPL¹³. Trước đó, Bộ Nội vụ

⁵ Gồm: 01 Luật, 05 Nghị định, 08 Thông tư, 06 Quyết định của UBND tỉnh.

⁶ Gồm: 02 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

⁷ 08 bộ, cơ quan gồm: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

⁸ 03 địa phương gồm: TP. Đà Nẵng, Bình Thuận, Thanh Hóa.

⁹ Tờ trình số 40/TTr-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng

¹⁰ Gồm: 206 TTHC, 11 yêu cầu điều kiện, 09 chế độ báo cáo

¹¹ Gồm: 02 Luật, 05 Nghị định, 18 Thông tư, Thông tư liên tịch và 01 văn bản khác.

¹² Gồm: 17 Luật, 71 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 167 Thông tư, thông tư liên tịch và 02 văn bản khác

¹³ Gồm: 11 Nghị định và 13 Thông tư.

có văn bản¹⁴ đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện phương án phân cấp theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg đối với 05 TTHC thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo (từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Sở Nội vụ, từ Ủy ban nhân dân cấp huyện về Phòng Nội vụ).

Tính từ năm 2022 đến nay, đã có **19/21** bộ, cơ quan thực hiện phân cấp **295/699** TTHC tại **56** VBQPPL (*không bao gồm 03 TTHC do các bộ chủ động phân cấp*). Trong đó, 03 cơ quan đã thực hiện phân cấp đạt 100%, 08 bộ đạt từ 50% trở lên, 08 bộ đạt dưới 50%, 02 bộ (*Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao*) chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là **404** TTHC (*184 TTHC tại 31 Luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội, 220 TTHC tại 124 VBQPPL thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ*) (Chi tiết tại Phụ lục III).

(3) *Về đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:*

Trong tháng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đã ban hành 01 văn bản¹⁵ đề đơn giản hóa 01 TTHC nội bộ nhóm B; Bộ Giao thông vận tải đã rà soát, ban hành 01 Quyết định công bố lại danh mục TTHC nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ. Bên cạnh đó, Văn phòng Chính phủ đã tổng hợp, gửi các bộ, ngành, địa phương 02 Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ và các cấp chính quyền địa phương để nghiên cứu, tham khảo trong quá trình triển khai việc công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ¹⁶. Các địa phương gồm: Bình Phước, Cà Mau, Cần Thơ, Sóc Trăng đã phê duyệt, thực thi một số phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ.

Đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **84** TTHC nội bộ, đang tiếp tục thực hiện đơn giản hóa **94** TTHC nội bộ được Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt phương án theo thẩm quyền; các địa phương đã đơn giản hóa **357** TTHC nội bộ, đang tiếp tục thực hiện đơn giản hóa **555** TTHC nội bộ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án theo thẩm quyền.

(4) *Về thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư:*

Trong tháng, các bộ, ngành tiếp tục thực hiện đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư. Tính trong 8 tháng, đã đơn giản hóa **278** TTHC tại **27** VBQPPL¹⁷.

Tính đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **859** TTHC được giao tại 19 Nghị quyết chuyên đề, đạt **79%**; trong đó, có **07** bộ, cơ quan¹⁸ hoàn thành 100%,

¹⁴ Văn bản số 4223/BNV-TGCP ngày 21/7/2024

¹⁵ Quyết định số 466/QĐ-VPCP ngày 21/8/2024 của Văn phòng Chính phủ

¹⁶ Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 của Văn phòng Chính phủ

¹⁷ Gồm: 10 Nghị định và 17 Thông tư.

¹⁸ 07 bộ, ngành gồm: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

10 bộ, cơ quan đạt trên 50%¹⁹; 02 bộ đạt dưới 50%²⁰. Còn 225 TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại 01 Luật, 16 Nghị định, 10 Thông tư liên tịch và 20 Thông tư (*Chi tiết tại Phụ lục IV*).

3. Về cải cách việc thực hiện TTHC

*a) Các chỉ số đánh giá chất lượng trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)*²¹

(1) *Chỉ số công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC*: Tại các bộ, ngành, tỷ lệ TTHC cập nhật, công khai đúng hạn đạt 29%, tỷ lệ đồng bộ, công khai quá trình giải quyết hồ sơ TTHC đạt 38% (2.734.660/7.169.530 hồ sơ); tại các địa phương, tỷ lệ TTHC cập nhật, công khai đúng hạn đạt 24,76%, tỷ lệ đồng bộ, công khai quá trình giải quyết hồ sơ TTHC đạt 76% (2.667.580/3.510.266 hồ sơ).

(2) *Chỉ số về tiến độ, kết quả giải quyết TTHC*: Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý đúng hoặc trước hạn tại bộ, ngành đạt 8,17% (223.421/2.734.660 hồ sơ) và tại các địa phương đạt 85,3% (2.275.445/2.667.580 hồ sơ).

(3) *Chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến*: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 38,51% (1.059.060/2.750.196 hồ sơ); tại các địa phương đạt 50,75% (1.353.787/2.667.580 hồ sơ). Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 44,88% (162/361 TTHC), tại các địa phương đạt 51,16% (705/1.378 TTHC); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt 18,77% (25.608/136.399 hồ sơ), tại các địa phương đạt 45,3% (976.952/2.156.693 hồ sơ).

(4) *Chỉ số về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC*: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt 40,08% (1.096.314/2.734.660 hồ sơ), tại các địa phương đạt 60,15% (1.604.549/2.667.580 hồ sơ); tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt 40,63% (1.111.362 kết quả giải quyết TTHC/2.735.283 kết quả cần cấp), tại các địa phương đạt 61,07% (1.629.091 kết quả giải quyết TTHC/2.667.580 kết quả cần cấp); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 1,81% (49.386/2.728.508 hồ sơ), tại các địa phương đạt 15,34% (419.451/2.734.361 hồ sơ).

b) Kết quả đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, DVCTT

Trong tháng, về đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, DVCTT đối với các bộ, ngành: không có điểm đánh giá **Khá**, 05 bộ có điểm đánh giá **Trung bình**, còn lại các bộ, cơ quan đều có điểm đánh giá **Dưới trung bình**; đối với các địa phương: 06 địa phương có điểm đánh giá **Tốt** (*Cà Mau, Phú Yên, An Giang, Bình Định, Hưng Yên, Bình Phước*), 39 địa phương có điểm đánh giá **Khá**, 15 địa phương có điểm đánh giá **Trung bình** và 03 địa phương có điểm đánh giá **Dưới trung bình** (*Chi tiết tại Phụ lục V*).

¹⁹ 10 bộ, ngành gồm: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ngoại giao, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

²⁰ 02 bộ, ngành gồm: Tài chính và Tư pháp

²¹ Số liệu phân tích theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVCQG tại thời điểm ngày 28/8/2024.

4. Về triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Trên cơ sở Nghị quyết của Quốc hội²², Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho 04 địa phương (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh) triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và giao Văn phòng Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện²³. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Tài liệu hướng dẫn triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại 04 địa phương nêu trên²⁴; đồng thời, tổ chức làm việc và góp ý đối với Đề án Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp của 04 địa phương bảo đảm bám sát mục tiêu, yêu cầu theo đúng chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ. Hiện nay, 04 địa phương đang khẩn trương xây dựng, hoàn thiện Đề án để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

5. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

a) Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính²⁵

Theo số liệu tại Hệ thống tiếp nhận, trả lời PAKN trên Cổng DVCQG, các bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận, trả lời PAKN như sau:

- Đối với kiến nghị của người dân: Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận **13.350** PAKN (*giảm 4.957 PAKN so với tháng 7 năm 2024*), tính trong 8 tháng năm 2024, đã tiếp nhận **67.318** PAKN. Tổng số PAKN phải xử lý đến nay là **69.724** PAKN. Các bộ, ngành, địa phương đã xử lý **8.482/69.724** PAKN, đạt **12%**, giảm **6%** so với tháng 7 năm 2024 (*Chi tiết tại Phụ lục VI*).

- Đối với kiến nghị của doanh nghiệp: Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận **168** PAKN (*giảm 07 PAKN so với tháng 7 năm 2024*), tính trong 8 tháng năm 2024, đã tiếp nhận **805** PAKN. Tổng số PAKN phải xử lý đến nay là **993** PAKN. Các bộ, ngành, địa phương đã xử lý **124/993** PAKN, đạt **12%**, giảm **1%** so với tháng 7 năm 2024 (*Chi tiết tại Phụ lục VII*).

b) Tình hình, kết quả xử lý đối với kiến nghị của thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC gửi Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ

Trong tháng, Cơ quan thường trực Tổ công tác đã tiếp nhận và chuyển các bộ, địa phương liên quan để xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với **122** đề xuất, kiến nghị của thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC, nâng tổng số đề xuất, kiến nghị tiếp nhận từ đầu năm 2024 đến nay là **326** đề xuất, kiến nghị; các bộ, địa phương đã xử lý, trả lời **11/122** đề xuất, kiến nghị, còn **111** đề xuất, kiến nghị thuộc phạm vi xử lý của **17** bộ, ngành²⁶ đang được nghiên cứu, xem xét trả lời (*Chi tiết tại Phụ lục VIII*).

²² Nghị quyết số: 142/2024/QH15 ngày 29/06/2024 của Quốc hội

²³ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ

²⁴ Công văn số 5343/VPCP-KSTT ngày 27/7/2024

²⁵ Số liệu tại Hệ thống tiếp nhận, trả lời PAKN trên Cổng DVCQG tại thời điểm ngày 25/8/2024

²⁶ Gồm: (i) các Bộ: Tài chính (29 ĐXKN), Y tế (27 ĐXKN), Công Thương (10 ĐXKN), Công an (09 ĐXKN), NNPTNT (08 ĐXKN), LĐTB&XH (05 ĐXKN), TN&MT (06 ĐXKN); GTVT (03 ĐXKN), Tư pháp (02 ĐXKN),

c) Về những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương tại Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất, kiến nghị cụ thể của các bộ, ngành, địa phương tại Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 8 năm 2024, Văn phòng Chính phủ đã nghiên cứu và trả lời đối với những đề xuất, kiến nghị theo thẩm quyền (*Chi tiết tại Phụ lục IX*); đồng thời, tổng hợp, gửi các bộ, cơ quan nghiên cứu, trả lời các đề xuất, kiến nghị thuộc thẩm quyền (*Chi tiết tại Phụ lục X*).

Trong 7 tháng đầu năm 2024, Văn phòng Chính phủ đã chuyển tổng số **182** đề xuất, kiến nghị tại các Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng để các bộ, ngành nghiên cứu, trả lời. Đến nay, các bộ đã xem xét, trả lời **119/182** đề xuất, kiến nghị (*đạt 65%*), trong đó có 07 bộ đã hoàn thành 100%²⁷. Đối với **63** đề xuất, kiến nghị còn lại thuộc phạm vi xử lý của **11** bộ²⁸ đang được tiếp tục nghiên cứu, trả lời (*Chi tiết tại Phụ lục XI*).

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Những mặt đạt được

Trong tháng 8 năm 2024, công tác cải cách TTHC tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo, nhất là việc đồng ý mở rộng thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID trên toàn quốc. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương đã tích cực trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, nhất là rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, QĐKD, phân cấp trong giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, cung cấp DVCTT phục vụ người dân, doanh nghiệp. Văn phòng Chính phủ đã chủ động theo dõi, hướng dẫn, phối hợp chặt chẽ cùng các bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, nhiều tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách TTHC đã được Văn phòng Chính phủ tổng hợp, nêu tại các báo cáo cải cách TTHC hằng tháng, chưa được một số bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện đầy đủ, kịp thời, cũng như giải quyết dứt điểm, cụ thể là:

(1) Việc thực hiện phân cấp TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg và trình phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg còn chậm²⁹;

(2) Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hoá mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn rất thấp³⁰;

NHNNVN (02 ĐXKN), Xây dựng (02 ĐXKN), TT&TT (01 ĐXKN), VHTTDL (01 ĐXKN), BHXHVN (01 ĐXKN), Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (01 ĐXKN).

(ii) các địa phương: Hà Nội (04 ĐXKN), TP. HCM (02 ĐXKN).

²⁷ 07 bộ gồm: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại giao, Giao thông vận tải, Tư pháp và Ủy ban Dân tộc

²⁸ Gồm các Bộ: Tài nguyên và Môi trường (18 ĐXKN), Công Thương (15 ĐXKN), Y tế (09 ĐXKN), Tài chính (06 ĐXKN), Xây dựng (04 ĐXKN), Giáo dục và Đào tạo (03 ĐXKN), Công an (02 ĐXKN), Lao động - Thương binh và Xã hội (02 ĐXKN), Thông tin và Truyền thông (02 ĐXKN), Kế hoạch và Đầu tư (01 ĐXKN), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 ĐXKN).

²⁹ Còn 02 Bộ (Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao) chưa thực hiện phân cấp và 03 bộ (Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường) chưa trình phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên.

³⁰ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 1,81%, tại các địa phương đạt 15,34%.

(3) Việc xem xét, trả lời PAKN của tổ chức, cá nhân về quy định, hành vi hành chính, nhất là việc chậm trễ trong trả kết quả giải quyết TTHC đối với một số lĩnh vực, chưa được quan tâm đúng mức tại một số bộ, ngành³¹.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế nêu trên là do công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách TTHC, xử lý PAKN tại một số bộ, ngành, địa phương trong một số nhiệm vụ cụ thể chưa thực sự quyết liệt, triệt để; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời; một số bộ phận, cán bộ, công chức, viên chức chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 9 NĂM 2024

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác cải cách TTHC, đề nghị các bộ, ngành, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các VBQPPL thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ để thực hiện phương án đơn giản hóa QĐKD, TTHC nội bộ, TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư và phân cấp trong giải quyết TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bảo đảm thực chất, hiệu quả. Đồng thời, thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động TTHC, thẩm định, thẩm tra dự án, dự thảo VBQPPL, bảo đảm cải cách TTHC ngay trong quá trình xây dựng VBQPPL.

2. Triển khai hiệu quả mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ. Đồng thời, tổ chức triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID trên toàn quốc theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; gắn kết việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp DVCTT, thanh toán trực tuyến.

4. Kịp thời tiếp nhận, xử lý PAKN của người dân, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, TTHC bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở kết quả công tác cải cách TTHC tháng 8 năm 2024, Văn phòng Chính phủ kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Tập trung triển khai kịp thời, đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm nêu tại Mục III của Báo cáo này.

³¹ Đến ngày 25/8/2024, còn 61.242 PAKN chưa được xem xét, xử lý, trong đó, chủ yếu PAKN thuộc phạm vi xử lý của Bộ Công an (30.453 PAKN), Bộ Tài chính (2.553 PAKN)...

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc xem xét, trả lời đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền nêu tại Phụ lục X kèm theo Báo cáo này và các Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng do Văn phòng Chính phủ tổng hợp; đồng thời, gửi kết quả về Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện việc công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 5590/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ tổng hợp, báo cáo kết quả thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2024 về phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp, lồng ghép trong báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC hằng tháng gửi Văn phòng Chính phủ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 656/TTg-KSTT ngày 24 tháng 8 năm 2024.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 8 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 9 năm 2024, Văn phòng Chính phủ kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thành viên Tổ công tác cải cách TTHC;
- Thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg,
các Vụ, Cục: TH, KTTH, PL, KGVX, NC, CN,
NN, ĐMDN, TCCV, TCCB;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Trần Văn Sơn